

24. TƯƠNG ỨNG KIẾN (DIṬṬHISAMĪYUTTA)

I. PHẨM DỤ LUÛ (SOTĀPATTIVAGGA)

I. KINH GIÓ (*Vātasutta*)¹ (S. III. 202)

206. Một thời, Thế Tôn ở Sāvatti, tại Jetavana. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này khởi lên: “Gió không thổi; sông không chảy; đàn bà mang thai không sanh; mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ”?

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ nương tựa. Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy nói cho chúng con ý nghĩa của lời dạy ấy. Sau khi nghe lời dạy của Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, [tà] kiến này khởi lên: “Gió không thổi; sông không chảy; đàn bà mang thai không sanh; mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ.”

Do có thọ... có tưởng... có hành...

Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, [tà] kiến này khởi lên: “Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ.”

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến: “Gió không thổi; sông không chảy; đàn bà mang thai không sanh; mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ”?

¹ Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.164. 0045a02).

- Thừa không, bạch Thế Tôn.
- Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, thọ... tưởng... hành...
Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, thức là thường hay vô thường?
- Là vô thường, bạch Thế Tôn.
- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?
- Là khổ, bạch Thế Tôn.
- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thì có thể khởi lên [tà] kiến: “Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ?”
- Thừa không, bạch Thế Tôn.
- Cái gì được thấy, được nghe, được cảm nhận [bằng mũi, lưỡi, thân], được biết, được đạt đến, được tìm cầu, được ý tư duy; cái ấy là thường hay vô thường?
- Là vô thường, bạch Thế Tôn.
- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?
- Là khổ, bạch Thế Tôn.
- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thì có thể khởi lên [tà] kiến: “Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ?”
- Thừa không, bạch Thế Tôn.
- Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đối với sáu xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ tập khởi, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ. Như vậy, này các Tỷ-kheo gọi là bậc Thánh đệ tử đã chứng được Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

II. KINH CÁI NÀY LÀ CỦA TÔI (*Etammasutta*) (S. III. 203)

207. Nhân duyên ở Sāvatti.

– Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này được khởi lên: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi”?

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

– Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, [tà] kiến này được khởi lên: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi.”

Do có thọ... tưởng... hành...

Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, [tà] kiến này được khởi lên: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi.”

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.
- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến này: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi”?
- Thưa không, bạch Thế Tôn.
- Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?
- Là vô thường, bạch Thế Tôn.
- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?
- Là khổ, bạch Thế Tôn.
- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến này: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi”?
- Thưa không, bạch Thế Tôn.
- Cái gì được thấy, được nghe, được cảm nhận [bằng mũi, lưỡi, thân], được biết, được đạt đến, được tìm cầu, được ý tư duy; cái ấy là thường hay vô thường?
- Là vô thường, bạch Thế Tôn.
- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?
- Là khổ, bạch Thế Tôn.
- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến này: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi”?
- Thưa không, bạch Thế Tôn.
- Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đối với sáu xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ, nghi hoặc được đoạn trừ;... đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, gọi là bậc Thánh đệ tử đã chứng được Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

III. KINH CÁI NÀY LÀ TỰ NGÃ (*Soattāsutta*) (S. III. 204)

208. Nhân duyên ở Sāvatti.

- Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này khởi lên: “Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại”?
- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...
- Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, [tà] kiến này khởi lên: “Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại.”

Do có thọ... tưởng... hành...

Do có thức, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, [tà] kiến này khởi lên:

“Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại.”

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không có chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến này: “Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại”?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến này: “Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại”?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Cái gì được thấy, được nghe, được cảm nhận [bằng mũi, lưỡi, thân], được biết, được đạt tới, được tìm cầu, được ý tư duy, cái ấy là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không có chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến này: “Cái ấy là tự ngã, cái ấy là thế giới. Sau khi chết, cái ấy sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại”?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Khi nào, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đối với sáu xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ, nghi hoặc được đoạn trừ... đối với con đường đưa đến khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là vị Thánh đệ tử chứng được Dự lưu, không còn thối đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

IV. KINH CÓ THỂ KHÔNG PHẢI CỦA TA (*Nocamesiyāsutta*) (S. III. 206)

209. Nhân duyên ở Sāvattihī.

– Do cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này khởi lên: “Nếu trước không có ta, thời đã không có của ta. Nếu sẽ không có ta, thời sẽ không có của ta”?

(Như kinh trên, chỉ khác phần tà kiến).

V. KINH KHÔNG CÓ BỐ THÍ (*Natthidinnasutta*)² (S. III. 207)

210. Nhân duyên ở Sāvatti.

– Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này khởi lên: “Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có các loài hóa sanh. Ở đời, không có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri, chứng ngộ đời này và đời khác, và truyền dạy lại. Con người này do bốn đại hợp thành, khi mệnh chung, địa đại trở về trả lại cho địa giới; thủy đại trở về trả lại cho thủy giới; hỏa đại trở về trả lại cho hỏa giới; phong đại trở về trả lại cho phong giới; các căn nhập vào hư không. Bốn người gánh quan tài với người nằm trong quan tài là năm, gánh người chết mang đi [đến chỗ hỏa táng], thốt ra những lời tán tụng, các xương trắng như màu bò câu và những vật cúng dường trở thành tro bụi. Chỉ có người ngu mới tán dương bố thí. Lời nói của họ trống không, giả dối, khi họ thuyết có sự sống. Kẻ ngu cũng như người hiền, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn diệt, tiêu mất, không còn tồn tại sau khi chết”?

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

(Như kinh trên, chỉ khác phần tà kiến).

VI. KINH HÀNH ĐỘNG (*Karotosutta*)³ (S. III. 208)

211. Nhân duyên ở Sāvatti.

– Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này khởi lên: “Tự mình làm hay khiến người làm, chém giết hay khiến người chém giết, đốt nấu hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn hay khiến người gây phiền muộn, gây ảo não hay khiến người gây ảo não, tự mình gây sợ hãi hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo, hành động như vậy không có tội ác gì. Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đồng thịt, thành một chồng thịt, cũng không vì vậy mà có tội ác, mà gây ra tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu, khiến người đốt nấu, cũng không vì vậy mà có tội ác, mà gây ra tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bố thí, khiến người bố thí, tế lễ, khiến người tế lễ, cũng không vì vậy mà có phước báo, mà đưa đến phước báo. Bố thí, điều phục, tự chế, tôn trọng sự thật, không có phước đức, không đưa đến phước đức”?

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

(Như kinh trên, chỉ khác phần tà kiến).

² Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.154-155. 0043c21-0044a01); *Tạp. 雜* (T.02. 0099.156. 0044a11).

³ Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.162. 0044b29).

VII. KINH NHÂN (Hetusutta)⁴ (S. III. 209)**212. Nhân duyên ở Sāvatti.**

– Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này khởi lên: “Không có nhân, không có duyên khiến cho các loài hữu tình bị nhiễm ô; bởi vô nhân, vô duyên mà các loài hữu tình bị nhiễm ô. Không có nhân, không có duyên khiến cho các loài hữu tình được thanh tịnh; bởi vô nhân, vô duyên mà các loài hữu tình được thanh tịnh. Không có lực, không có tinh tấn, không có nhân lực, không có sự cố gắng của người. Tất cả chúng sanh, tất cả hữu tình, tất cả sinh vật, tất cả sinh mạng đều không tự tại, không lực, không tinh tấn. Họ bị dắt dẫn, chi phối bởi định mệnh, bởi điều kiện bộ loại của họ, bởi cá tánh của họ. Họ hưởng thọ khổ lạc y theo sáu loại thác sanh của họ?”

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

(Như kinh trên, chỉ khác phần tà kiến).

VIII. KINH ĐẠI TÀ KIẾN (Mahādīṭhisutta)⁵ (S. III. 210)**213. Nhân duyên ở Sāvatti.**

– Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, khởi lên [tà] kiến như sau: “Có bảy thân không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm hại nhau. Chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc. Bảy thân ấy là gì? Địa thân, thủy thân, hỏa thân, phong thân, khổ, lạc và thứ bảy là mạng. Bảy thân này không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến, không xâm hại nhau, chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc. Khi một ai dùng lưỡi kiếm sắc bén chém đầu, thời không có ai tức đoạt sanh mạng của ai cả, lưỡi kiếm chỉ rơi vào giữa bảy thân mà thôi. Có tất cả là một trăm bốn mươi vạn chủng loại thác sanh, lại có thêm sáu ngàn và có thêm sáu trăm nữa. Có năm trăm loại nghiệp và năm nghiệp [theo năm căn], lại có ba nghiệp [về thân, khẩu, ý], lại có toàn nghiệp [thân và khẩu], và bán nghiệp [ý], có sáu mươi hai đạo, sáu mươi hai trung kiếp, sáu giai cấp, tám nhân địa, bốn ngàn chín trăm sanh nghiệp, bốn ngàn chín trăm kẻ du hành, bốn ngàn chín trăm chỗ ở của loài nāga, hai ngàn căn, ba ngàn cảnh địa ngục, ba mươi sáu trần giới, bảy tướng thai, bảy vô tướng thai, bảy tiết thai, bảy loài thiên, bảy loài người, bảy loài quỷ, bảy hồ nước, bảy núi hay hồ nhỏ (*pavutā*), bảy vực thăm (*papāta*), bảy trăm vực thăm, bảy mộng, bảy trăm mộng, có tám trăm bốn mươi vạn đại kiếp, trong thời gian ấy, kẻ ngu và người hiền sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ trừ tận khổ đau. Không có lời nguyện: “Với giới hạnh này, với kỷ luật này, với khổ hạnh này hay với Phạm hạnh này, tôi sẽ làm cho chín muồi những nghiệp chưa được thuần thực, hoặc

⁴ Xem D. I. 58. Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.157-160. 0044a22-b11).

⁵ Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.161. 0044b16); *Tap. 雜* (T.02. 0099.163. 0044c12).

trừ diệt những nghiệp đã thuần thực bởi những nhẫn thọ liên tục”, không thể có điều đó. Khô và lạc được đo lường với những vật đo lường, bị giới hạn trong vòng luân hồi không có giảm tăng, không có thặng dư, thiếu thốn. Ví như một cuộn chỉ tròn như trái banh được tung ra sẽ được kéo dài đến một mức độ nào đó. Cũng như vậy, kẻ ngu và người hiền sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ đoạn tận khổ đau.”

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...
(Như kinh trên, chỉ khác phần tà kiến).

IX. KINH THƯỜNG KIẾN (*Sassatadiṭṭhisutta*) (S. III. 213)

214. (Như kinh trên, chỉ khác phần tà kiến. Ở đây “tà kiến” được thay bằng “thế giới là thường còn”).

X. KINH VÔ THƯỜNG KIẾN (*Asassatadiṭṭhisutta*) (S. III. 214)

215. (Như kinh trên, chỉ khác “tà kiến” được thay bằng “thế giới là vô thường”).

XI. KINH HỮU BIÊN (*Antavāsutta*) (S. III. 214)

216. (Như kinh trên, chỉ khác “tà kiến” được thay bằng “thế giới là hữu biên”).

XII. KINH VÔ BIÊN (*Anantavāsutta*) (S. III. 215)

217. (Như kinh trên, chỉ khác “tà kiến” được thay bằng “thế giới là vô biên”).

XIII. KINH MẠNG VỚI THÂN LÀ MỘT (*Tamjīvaṃtaṃsarīraṃsutta*) (S. III. 215)

218. (Như kinh trên, chỉ khác “tà kiến” được thay bằng “mạng với thân là một”).

XIV. KINH MẠNG VỚI THÂN LÀ KHÁC (*Aññamjīvaṃaññasarīraṃsutta*) (S. III. 215)

219. (Như kinh trên, chỉ khác “tà kiến” được thay bằng “mạng với thân là khác”).

XV. KINH NHƯ LAI CÓ TỒN TẠI (*Hotitathāgatosutta*) (S. III. 215)

220. (Như kinh trên, chỉ khác “tà kiến” được thay bằng “Như Lai có tồn tại”).

XVI. KINH NHƯ LAI KHÔNG CÓ TỒN TẠI (*Nahotitathāgatosutta*) (S. III. 215)

221. (Như kinh trên, chỉ khác “tà kiến” được thay bằng “Như Lai không có tồn tại”).

XVII. KINH NHƯ LAI CÓ TỒN TẠI VÀ KHÔNG CÓ TỒN TẠI (*Hoticanacahotitathāgatosutta*) (S. III. 215)

222. (Như kinh trên, chỉ khác “tà kiến” được thay bằng “Như Lai có tồn tại và không có tồn tại”).

XVIII. KINH NHƯ LAI KHÔNG TỒN TẠI VÀ KHÔNG KHÔNG TỒN TẠI (*Nevahotinānahotitathāgatosutta*) (S. III. 216)

223. Nhân duyên ở Sāvatti.

– Nay các Tỷ-kheo, do có cái gì, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này khởi lên: “Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết”?

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

– Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, [tà] kiến này khởi lên: “Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.”... thọ... tưởng... hành... Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, khởi lên [tà] kiến này: “Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.”

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến như sau: “Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết”?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

Thọ... Tưởng... Hành... Thức...

– Cái được thấy, được nghe, được cảm nhận [bằng mũi, lưỡi và thân], được biết, được đạt tới, được tìm cầu, được ý suy tư; cái ấy là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến như sau: “Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết”?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

Khi nào vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, đối với các xứ này, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ tập khởi, nghi hoặc được đoạn trừ; đối với khổ đoạn diệt, nghi hoặc được đoạn trừ; vị Thánh đệ tử như vậy được gọi là đã chứng được bậc Dự Lưu, không bị thoái đọa, chắc quyết hướng đến giác ngộ.

II. PHẨM TRÙNG THUYẾT THỨ HAI (DUTIYAGAMANAVAGGA)

I. KINH GIÓ (*Vātasutta*) (S. III. 217)

224. Nhân duyên ở Sāvatti.

– Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này khởi lên: “Gió không thổi; sông không chảy; đàn bà mang thai không sanh; mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ”?

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

– Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, [tà] kiến này khởi lên: “Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ.”

Do có thọ... có tướng... có hành... Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, [tà] kiến này khởi lên: “Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ.”

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến: “Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ”?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, do có khổ, do chấp thủ khổ, do thiên chấp khổ, [tà] kiến này khởi lên: “Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ.”

Thọ... Tướng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến: “Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ”?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, do có khổ, do chấp thủ khổ, do thiên chấp khổ, [tà] kiến này khởi lên: “Gió không thổi; sông không chảy; đàn bà mang

thai không sanh; mặt trắng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ.”

II-XVII.

225-240. (Tương tự đối với kinh II-XVII trong Chương III, *Tương ưng kiến*, phẩm I).

XVIII. KINH PHI HỮU PHI VÔ (*Nevahotināhotisutta*) (S. III. 218)

241. Nhân duyên ở Sāvatti.

– Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này khởi lên: “Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết”?

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

– Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, [tà] kiến này khởi lên: “Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.”

Do có thọ... có tưởng... có hành... Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, [tà] kiến này khởi lên: “Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.”

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

... chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến: “Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết”?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, do có khổ, do chấp thủ khổ, do thiên chấp khổ, [tà] kiến này khởi lên: “Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.”

Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

... chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến: “Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết”?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, do có khổ, do chấp thủ khổ, do thiên chấp khổ, [tà] kiến này khởi lên: “Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.”

XIX. KINH TỰ NGÃ CÓ SẮC (*Rūpīattāsutta*) (S. III. 218)

242. (Như kinh trên, chỉ khác phần tà kiến được thay bằng “Tự ngã có sắc, sau khi chết, không bệnh”).

XX. KINH TỰ NGÃ KHÔNG CÓ SẮC (*Arūpīattāsutta*) (S. III. 219)

243. (Như kinh trên, được thay thế bằng “Tự ngã không có sắc, sau khi chết, không bệnh”).

XXI. KINH TỰ NGÃ CÓ SẮC VÀ KHÔNG SẮC
(Rūpīcaarūpīcaattāsutta) (S. III. 219)

244. (Như kinh trên, được thay thế bằng “Tự ngã có sắc và không sắc, sau khi chết, không bệnh”).

XXII. KINH TỰ NGÃ KHÔNG CÓ SẮC VÀ KHÔNG KHÔNG CÓ SẮC
(Nevarūpīnārūpīattāsutta) (S. III. 219)

245. (Như kinh trên, được thay thế bằng “Tự ngã không có sắc và không không có sắc, sau khi chết, không bệnh”).

XXIII. KINH THUẦN LẠC *(Ekantasukhīsutta)* (S. III. 219)

246. (Như kinh trên, được thay thế bằng “Tự ngã thuần lạc, sau khi chết, không bệnh”).

XXIV. KINH THUẦN KHỔ *(Ekantadukkhīsutta)* (S. III. 220)

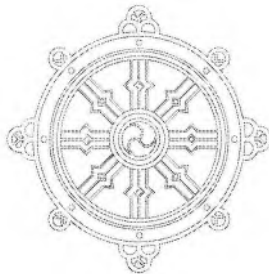
247. (Như kinh trên, được thay thế bằng “Tự ngã thuần khổ, sau khi chết, không bệnh”).

XXV. KINH THUẦN LẠC VÀ THUẦN KHỔ
(Sukhadukkhīsutta) (S. III. 220)

248. (Như kinh trên, được thay thế bằng “Tự ngã thuần lạc và thuần khổ, sau khi chết, không bệnh”).

XXVI. KINH CHẴNG PHẢI KHỔ CHẴNG PHẢI LẠC
(Adukkhamasukhīsutta) (S. III. 220)

249. (Như kinh trên, được thay thế bằng “Tự ngã chẳng phải khổ chẳng phải lạc, sau khi chết, không bệnh”).



III. PHẨM TRÙNG THUYẾT THỨ BA (*TATIYAGAMANAVAGGA*)

I. KINH KHÔNG PHẢI GIÓ (*Navātasutta*) (S. III. 221)

250. Nhân duyên ở Sāvatti.

– Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này khởi lên: “Gió không thổi; sông không chảy; đàn bà mang thai không sanh; mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ”?

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

– Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, [tà] kiến này khởi lên: “Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ.”

Do có thọ... có tướng... có hành... Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, [tà] kiến này khởi lên: “Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ.”

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến: “Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ”?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì vô thường thời cái ấy là khổ. Do có cái ấy, do chấp thủ cái ấy, mà [tà] kiến này khởi lên: “Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ.”

Thọ... Tướng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

... chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thời có thể khởi lên [tà] kiến: “Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ”?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

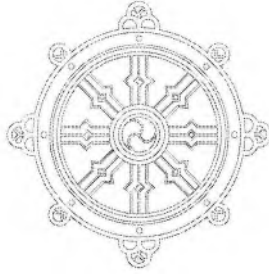
– Như vậy, này các Tỷ-kheo, cái gì vô thường thời cái ấy là khổ. Do có cái ấy, do chấp thủ cái ấy, mà [tà] kiến này khởi lên: “Gió không thổi; sông không chảy; đàn bà mang thai không sanh; mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ.”

II-XXV. (S. III. 223)

251-274. (Như phẩm II ở trên).

XXVI. KINH PHI LẠC PHI KHỔ (*Adukkhamasukhīsutta*) (S. III. 223)

275. (Như phẩm II ở trên).



IV. PHẨM TRÙNG THUYẾT THỨ TU (CATUTTHAGAMANAVAGGA)

I. KINH KHÔNG PHẢI GIÓ (*Navātasutta*) (S. III. 223)

276. Nhân duyên ở Sāvatti.

– Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này khởi lên: “Gió không thổi; sông không chảy; đàn bà mang thai không sanh; mặt trăng, mặt trời không mọc hay không lặn. Tất cả đều đứng vững như cột trụ”?

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

– Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, [tà] kiến này khởi lên: “Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ.”

Do có thọ... có tưởng... có hành... Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, [tà] kiến này khởi lên: “Gió không thổi... Tất cả đều đứng vững như cột trụ.”

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có nên coi cái ấy là: “Đây là của tôi, đây là tôi, đây là tự ngã của tôi” không?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Thọ... Tưởng... Hành... Thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có nên coi cái ấy là: “Đây là của tôi, đây là tôi, đây là tự ngã của tôi” không?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, bất kỳ sắc nào thuộc quá khứ, tương lai, hiện tại; hoặc trong hay ngoài; hoặc thô hay tế; hoặc hạ liệt hay thù thắng; hoặc xa hay gần, thời tất cả các sắc ấy phải được thấy biết như thật với chánh trí rằng: “Đây không là của tôi, đây không là tôi, đây không là tự ngã của tôi.” Bất kỳ thọ... tưởng... hành... thức nào thuộc quá khứ, tương lai, hiện tại; hoặc trong

hay ngoài; hoặc thô hay tế; hoặc hạ liệt hay thù thắng; hoặc xa hay gần, thời tất cả các thức ấy phải được thấy biết như thật với chánh trí rằng: “Đây không là của tôi, đây không là tôi, đây không là tự ngã của tôi.”

Thấy vậy... vị ấy biết rõ: “... sau đời hiện tại không còn đời sống nào khác nữa.” (Nhu phẩm III ở trên).

II-XXV. (S. III. 224)

277-300. (Nhu phẩm II ở trên).

XXVI. KINH PHI LẠC PHI KHỔ (*Adukkhamasukhīsutta*) (S. III. 224)

301. Nhân duyên ở Sāvatti.

– Do có cái gì, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ cái gì, do thiên chấp cái gì, [tà] kiến này khởi lên: “Tự ngã chẳng phải khổ chẳng phải lạc, không bệnh sau khi chết”?

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

– Do có sắc, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ sắc, do thiên chấp sắc, [tà] kiến này khởi lên: “Tự ngã chẳng phải khổ chẳng phải lạc, không bệnh sau khi chết.”

Do có thọ... có tưởng... có hành... Do có thức, này các Tỷ-kheo, do chấp thủ thức, do thiên chấp thức, [tà] kiến này khởi lên: “Tự ngã chẳng phải khổ chẳng phải lạc, không bệnh sau khi chết.”

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có nên coi cái ấy là: “Đây là của tôi, đây là tôi, đây là tự ngã của tôi” không?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Thọ... tưởng... hành... thức là thường hay vô thường?

– Là vô thường, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có nên coi cái ấy là: “Đây là của tôi, đây là tôi, đây là tự ngã của tôi” không?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, bất kỳ sắc nào thuộc quá khứ, tương lai, hiện tại; hoặc trong hay ngoài; hoặc thô hay tế; hoặc hạ liệt hay thù thắng; hoặc xa hay gần, thời tất cả các sắc ấy phải được thấy biết như thật với chánh trí rằng: “Đây không là của tôi, đây không là tôi, đây không là tự ngã của tôi.” Bất kỳ thọ... tưởng... hành... thức nào thuộc quá khứ, tương lai, hiện tại; hoặc trong hay ngoài; hoặc thô hay tế; hoặc hạ liệt hay thù thắng; hoặc xa hay gần, thời tất cả các thức ấy phải được thấy biết như thật với chánh trí rằng: “Đây không là của tôi, đây không là tôi, đây không là tự ngã của tôi.”

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử nhằm chán đối với sắc, nhằm chán đối với thọ, nhằm chán đối với tưởng, nhằm chán đối với hành, nhằm chán đối với thức. Do nhằm chán nên vị ấy ly tham; do ly tham nên vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: “Ta đã được giải thoát.” Vị ấy biết rõ: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, sau đời hiện tại không còn đời sống nào khác nữa.”

